

## Thơ Đường Luật và Thơ Tự Do

Nguyễn Thanh Liêm

Bài thơ Đường luật là bài thơ xưa với niêm luật hết sức khắc khe, nghiêm túc, thành hình từ đời Đường bên Trung Hoa, do đó mà người ta gọi là thơ Đường luật (ở Việt Nam cũng có người gọi là Hàn luật vì Hàn Thuyên đời Trần là người Việt Nam đầu tiên dùng thể loại này để sáng tác thơ văn). Bài thơ Đường luật có số câu nhất định là tám câu (bát cú) và mỗi câu có số chữ nhất định là bảy chữ (thất ngôn), không hơn không kém. Bài thơ chỉ có năm vần (tám câu năm vần), toàn là vần bằng, và phải gieo ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, và 8. Thí dụ:

Trần bắc hành cung cỏ dãi dầu  
Chạnh niêm cố quốc nghĩ mà đau  
Một tòa sen tỏa hơi hương ngự  
Năm thức mây phong nếp áo châu  
Sóng lớp phé hưng coi đã rộn  
Chuông hồi kim cô lắng càng mau  
Người xưa cảnh cũ đâu đâu tá  
Khéo ngăn ngơ thay lũ trọc đầu.

(Bà Huyện Thanh Quan, Chơi Chùa Trấn Quốc)

Nếu là vần trắc, hoặc nếu chỉ có bốn vần thì bài thơ sẽ là một biến thể và có thể là bài thơ cổ phong. Thí dụ:

Vành mâm xôi đề thẳng Lạc  
Nghĩ mình ti tiện không đài các  
Văn chương chẳng phải bọn mèò quào  
Danh phận không ra cái cóc rác  
Bời rứa bở thờ then núi sông  
Dám đâu vức vác ngạo cô bác  
Việc này dầu có thấu lòng chẳng  
Trong có ông thần ngoài cặp hạc.

(Học Lạc, Thơ Tạ Hương Đăng)

Luật bằng trắc áp dụng thật chặt chẽ cho các chữ thứ nhì, thứ tư, thứ sáu và thứ bảy của mỗi câu (câu chẵn cũng như câu lẻ), và không được lầm lẫn. Các câu trong bài thơ ở vị trí nào sẽ phải đóng trọn vai trò của nó trong vị trí đó. Thường thì người ta phân biệt 2 câu đầu là Khởi tức mở đề, rồi đến 2 câu Thừa (cũng gọi là cặp Trạng hay Thực), 2 câu kế nữa là Chuyển (hay 2 câu Luận) và 2 câu sau cùng là Hợp (tức là hai câu Kết). Hai câu Thừa (cặp Trạng), tức câu 3 và câu 4, bắt buộc phải đối nhau, từng chữ, từng phạm trù, kể cả bằng trắc. Hai câu 5 và 6, tức cặp Luận cũng phải đối nhau thật chỉnh như vậy. Thí dụ về các câu đối nhau trong cặp thực:

Lung giậu phát phơ màu khói nhạt,  
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.  
(Nguyễn Khuyến, Thu Âm)

Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán  
Trắng xóa trường giang phẳng lặng tờ.  
(Bà Huyện Thanh Quan, Tức Cảnh Chiêu Thu)

Và đối trong cặp luận:

Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt,  
Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.  
(Nguyễn Khuyến, Thu Âm)

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,  
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.  
(Bà Huyện Thanh Quan, Qua Đèo Ngang)

Đôi trong cả 4 câu thực và luận:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,  
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương,  
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,  
Nước còn cau mặt với tang thương.  
(Bà Huyện Thanh Quan, Hoài Cổ)

Nước biếc coi như tầng khói phủ,  
Song thu để mặc bóng trăng vào.  
Năm chùm trước giậu hoa năm ngoái,  
Một tiếng trên không ngỗng nước nào.  
(Nguyễn Khuyến, Thu Vịnh)

Theo đúng quy luật về hình thức của thơ Đường luật là việc hết sức khó khăn, phải mất nhiều công phu rèn luyện. Nếu không quen sử dụng, không đạt được kỹ thuật cao, bài thơ sẽ có vẻ bị nắn nót từng chữ cho đúng khuôn phép, nhưng sẽ không có hồn, tứ thơ sẽ có tính cách gò ép và trong trường hợp này tác giả sẽ bị coi như là một thợ thơ hơn là một nhà thơ. Khởi, Thừa, Chuyên, Hợp phải thật khéo, ý thơ phong phú, lời thơ trau chuốt, hình ảnh thi ca đẹp dễ thì bài thơ mới thật hay. Thơ Đường hay nhất là thơ thời Thịnh Đường, cũng như văn giá trị là văn thời Tiền Hán. Cho nên một Nhà Vua Việt Nam đã khen văn Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát là đã làm lu mờ văn thời Tiền Hán, còn thơ mà đạt được mức độ hay của Tuy Lý Vương và Tùng Thiện Vương thì thơ hay thời Thịnh Đường cũng chẳng sánh bằng (“Văn như Siêu Quát vô tiền Hán, Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường”). Thật sự thì Vua Tự Đức đã làm công việc “mèo khen mèo dài đuôi thôi” chứ làm gì có chuyện “thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường”.

Trên lý thuyết thì như vậy nhưng trên thực tế, nếu theo thật đúng quy luật, bài thơ Đường luật ít khi đạt được mức độ tuyệt vời về phương diện nghệ thuật. Bài thơ thật đúng theo quy luật ấn định là bài thơ để cho các sĩ tử thi đậu trong các kỳ thi hơn là những bài thơ hay. Thơ hay, thơ có thần là bài thơ trong đó, ý và lời phải đạt được giá trị thẩm mỹ đặc biệt của thi ca. Ý trong thơ hay không phải là lối suy tư trong đời sống trí thức, không phải là lý luận (reasoning) suông, mà là ý tưởng khéo léo diễn tả dưới những hình ảnh thi ca đẹp dễ. Nhà Thơ không làm công việc của một Triết Gia, không diễn tả tư tưởng bằng suy tư, mà diễn tả tư tưởng bằng hình ảnh. “Le poete pense par images” như một Nhà Thơ Pháp đã nói. Tư tưởng thời gian trôi mau, trôi mãi một chiều, không dừng lại, không sửa đổi được lịch sử (irreversible), được Lý Bạch diễn tả bằng hình ảnh “Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai, bôn lưu đảo hải bất phục hồi.” Tư tưởng cho rằng cuộc đời của con người mong manh bấp bênh, ngắn ngủi, vô nghĩa so với vũ trụ mênh mông, vô biên, mịt mù, được Nguyễn Du diễn tả bằng hình ảnh: “...cửa bể chiều hôm, thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.” Bài thơ hay như hàm chứa một bức tranh trong đó, cũng như những bức tranh đẹp thường chứa đựng một bài thơ hay bên trong. Hãy xem bốn câu sau đây trong bài Tuyệt Cú của Đỗ Phủ:

Luống cá hoàng ly minh thúy liễu,  
Nhất hàng bạch lộ thương thanh thiên.  
Song hàm Tây Lĩnh thiên thu tuyết,  
Môn bạc Đông Ngô vạn lý thuyền.

(Có hai con chim hoàng ly hót líu lo trong nhánh liễu bên nhà. Có 1 hàng cò trắng bay vút lên trên nền trời xanh. Nhìn qua cửa sổ thấy ngọn núi Tây Lĩnh hay tưởng chừng như cửa

sổ nhà mình ngâm lấy ngọn núi Tây Lĩnh ở xa xa mà trên đầu núi tuyết trắng phủ dày muôn thưở. Nhìn ra trước cửa cái thấy thuyền Đông Ngô đậu bến dài dài...)

Trần Trọng Kim dịch bài thơ này như sau trong quyển Đường Thi của ông:

Cảnh thúy liễu hoàng oanh hót gió,  
Một đàn cò bay trở lên không  
Mé tây núi tuyết dòm song  
Thuyền Ngô muôn dặm cửa đông đậu đầy

Màu sắc hòa dịu từ màu vàng của hoàng ly trên nền xanh green của nhánh dương liễu, đến màu trắng lấm tấm của đàn cò trên nền xanh blue của da trời. Hình ảnh linh động từ những con chim nhỏ tíu tít hót bên nhà đến đàn cò lăm lũi bay vút tận trời cao. Tư tưởng đối chiếu cảnh rộn rịp của chợ đời ngăn ngui (thuyền Đông Ngô) trước nhà với cái yên lặng vĩnh cửu trường tồn của vũ trụ cao vòi (Tây Lĩnh thiên thu tuyết) ở mãi tận đằng xa. Đúng là bài thơ tuyệt cú. Bài thơ chỉ có 4 câu và chỉ có 2 vần. Hãy nghĩ như mình ngắt lấy 4 câu giữa (Thực và Luận) của 1 bài thất ngôn bát cú vậy thì mình sẽ có bức tranh đầy ý nghĩa này.

Hồi xưa có người khen bài thơ và bức tranh của Vương Duy là: “Quan Vương Duy chi thi, thi trung hữu họa. Quan Vương Duy chi họa, họa trung hữu thi” (Xem bài thơ của Vương Duy thấy có bức họa bên trong, xem bức tranh của Vương Duy, thấy có bài thơ trong đó). Bài “Thu Điếu” của Nguyễn Khuyến đúng là một bức tranh thật đẹp:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo  
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo  
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí  
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo  
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt  
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo  
Tựa gối buông cần lâu chẳng được  
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Bài thơ hay thường có không những một bức tranh mà còn có cả một bản nhạc. Lời lẽ êm dịu, âm điệu du dương thường đi theo một bài thơ có cảnh trí buồn thương man mác. Những lời mở đầu của những bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan chẳng hạn là những câu nhạc thật êm đềm:

Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn,  
Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn  
(Buổi Chiều Lữ Thứ)

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà  
Cỏ cây chen đá lá chen hoa.  
(Đèo Ngang)

Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa  
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ.  
(Tức Cảnh Chiều Thu)

Những câu mở đầu của Nguyễn Khuyến trong những bài Thu cũng vậy:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.  
(Thu Điếu)

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao  
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.  
(Thu Vịnh)

Bài thơ Đường luật hay cũng không nhất thiết phải được bố cục theo đúng bốn đoạn Khởi, Thừa, Chuyển, Hợp, mà thường nhất là phân làm hai giải, mỗi giải 4 câu, gồm tiền giải tức 4 câu đầu và hậu giải với 4 câu sau. Phân như vậy ta sẽ thấy ý trong thơ liên tục trong mỗi giải, và theo từng hứng khởi của mỗi giải. Cảnh và tình là những hứng khởi thường có đối với thi nhân. Cảnh có thể được nói đến trong tiền giải rồi để cho tình kết thúc trong hậu giải. Thí dụ:

Ở phần tiền giải:

Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa  
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ  
Xanh um cỏ thụ tròn xoe tán  
Trắng xóa trường giang phẳng lặng tờ

Ở phần hậu giải:

Bầu giốc giang sơn say chấp rượu  
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ  
Cho hay cảnh cũng ưa người nhỉ  
Thấy cảnh ai mà chẳng ngẩn ngơ.

(Bà Huyện Thanh Quan, Tức Cảnh Chiêu Thu)

Hứng khởi là yếu tố rất quan trọng trong thơ. Nó là cái động lực làm cho bài thơ phát dậy và đi tới. Có hứng khởi thật sự là có sự bắt đầu của bài thơ và từ đó nhà thơ như bị một sức thúc giục đi tới, bị thôi thúc phải mở lời ra cho thành thơ. Frost viết: "It begins in delight, it inclines to the impulse, it assumes direction with the first line laid down, it runs a course of lucky events, and ends in a clarification of line..." (Bài thơ bắt đầu bằng hứng khởi, rồi chiều theo sự giục giã của động lực thúc đẩy, nhận lấy một hướng đi sau khi câu thơ đầu tiên được vạch ra, tuôn chảy theo dòng sự việc, kết thúc trong sự làm sáng tỏ câu thơ...) Cảm xúc bởi hình ảnh của cảnh vật quen thuộc sau một cuộc tang thương Bà Huyện Thanh Quan bắt đầu bằng tư tưởng vẫn nạn:

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường  
Đến nay thăm thoát mấy tình sương...

Rồi để cho cái hứng khởi lúc đầu thúc đẩy dòng tư tưởng phát triển theo hình ảnh đẹp đẽ nhưng đau buồn cùng với nhạc điệu man mác của lời thơ:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo  
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương  
Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt  
Nước còn cau mặt với tang thương  
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ  
Cảnh đây người đây luống đoạn trường.  
(Bà Huyện Thanh Quan, Hoài Cổ)

Nhưng có một lúc nào đó người ta thấy thơ Đường luật gò bó quá về hình thức và thể thức. Số câu bắt buộc, số chữ bắt buộc, bằng trắc bắt buộc, bố cục bắt buộc, vần, đối tất cả đều bắt buộc, thành ra nhà thơ cảm thấy như mình bị vây hãm trong thành trì luật lệ cứng rắn, khát khe, không còn tự do để cảm hứng, sáng tác. Thơ Mới ra đời. Nhà thơ cảm thấy thoải mái hơn khi họ vứt bỏ hết những ràng buộc của thơ cũ. Số câu không nhất định, mấy câu cũng được. Số chữ trong mỗi câu cũng vậy, cứ tùy hứng và tùy thích.

Tiếng địch thổi đầu đây  
Cớ sao mà réo rắt ?  
Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt.  
Mây bay...gió quyen...mây bay...  
Tiếng vi vút như khuyên van như diu dặt,  
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may...  
(Thế Lữ, Tiếng trúc tuyết vời)

Nhưng phần lớn các nhà thơ mới thường dùng thể tám chữ như một biến thể của song thất lục bát, thể năm chữ, bảy chữ hay lục bát.

Dầu tin tưởng chung một đời một mộng,  
Em là em anh vẫn cứ là anh,  
Có thể nào qua vạn lý trường thành,  
Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật.  
(Xuân Diệu, Xa Cách)

Vậy đó bỗng nhiên mà họ lớn,  
Tuổi hai mươi đến có ai ngờ  
Một hôm trận gió tình yêu lại,  
Đứng ngẩn trông vời mộng tuổi thơ.  
(Huy Cận, Học Sinh)

Còn chi nữa em ơi !  
Còn đâu ánh trăng vàng,  
Mơ trên làn tóc rối,  
Chân nàng trên đường sỏi,  
Sương lá đổ rộn ràng.  
(Lưu Trọng Lư, Còn Chi Nữa)

Buồn gieo theo gió reo hò,  
Đèo cao quán chật bến đò lau thưa.  
(Huy Cận, Chiều Xưa)

Phần lớn đều là thơ có vần, nhưng vần rất thay đổi, co giãn, chứ không nhất thiết phải là cước vận và cũng không nhất thiết phải là vần bằng. Vần có thể là vần liền, vần ôm hay vần chéo Niêm luật và đối theo thể thức bài thơ Đường thì nhất định không còn tồn tại nữa.

Dù sao thì thơ mới cũng còn bị ràng buộc bởi vần điệu và một số đông các nhà thơ mới vẫn còn chú trọng nhiều đến số chữ, đến luật bằng trắc. Đối với một số nhà thơ sau này thì như vậy cũng còn gò bó, chưa đủ tự do để diễn tả hết tư tưởng và tình cảm của mình. Họ đưa thơ đến chỗ hoàn toàn tự do, không niêm luật, không giới hạn bởi số câu, số chữ và cũng không cần phải có vần nữa. Thí dụ:

Đây là bản nhạc lòng của người Việt Nam tấu lên  
Khắp cùng vũ trụ  
Đây là giọng hát, thật hào hùng khí phách  
Đã vang lên chấn động nhân loài  
Đây là tiếng hét của một dân tộc  
Đã có trên bốn ngàn năm lịch sử

đã thôi thúc chuyên lưu qua vô vàn nguồn tim  
mạch máu  
Ấy là hiện trạng Việt Nam  
mà Việt Nam hiện diện khắp năm châu...  
(Tuệ Đàm Tử, Hùng Khí Ca)

Tuổi đời có thể qua  
Ngày tháng có thể mất  
Nhưng mãi mãi vẫn còn  
Một thời để yêu  
Một thời để nhớ  
Một thời để thương...  
Và những tháng ngày còn lại  
Là những kỷ niệm không phai...  
(Lai Mỹ Hà, Có Thể)

Tuy nhiên phần lớn các bài thơ bây giờ đều có khuynh hướng quay về luật bằng trắc, và vần điệu, nhất là vần điệu lục bát là vần điệu rất Việt Nam từ xưa đến giờ.

Hòn Me, Hòn Sóc, Tri Tôn  
ruộng quê cần cỗi, khoai môn ngoài đồng  
nước phèn nhiễm mặn mà trong  
con Ghẹ lội, cá lòng tong hằng đàn  
Hòn Đất thăm thẳm hóc hang  
nên người lính trận nguy nan khôn lường  
lần thăm anh thêm lần thương  
hoa lau, hoa sậy vẫn vương đường về  
(Ngọc Sương, Hòn Đất)

Khi yêu, nào có ai ngờ,  
Mới tri âm đó, bây giờ...cố nhân.  
Dòng đời xuôi ngược bao lần,  
Mà hình bóng cũ vẫn hằn vết sâu.  
Đêm đêm nghe sóng vỗ, sầu,  
Mơ hồ như tiếng con tàu lướt khuya.  
Đường về dĩ vãng bao xa,  
Chập chờn kỷ niệm, nhạt nhòa đáng yêu...  
(Hồng Vũ Lan Nhi, Nỗi Lòng Người Thủy Thủ)

Thơ hay không bắt buộc phải đóng khung trong những luật lệ quá ư khắt khe, gò bó. Nhưng nếu thiếu yếu tố vần điệu thì bài thơ cũng khó đi vào lòng người đọc. Tuy tiếng Việt tự nó đã dồi dào âm điệu nhưng thói quen gieo vần từ những câu vè, câu ca dao đến những điệu hò, những bài hát nói, những bài thơ nôm từ xưa đến giờ khiến cho người đọc luôn mong mỏi được thưởng thức những câu thơ thật nên thơ với những vần điệu du dương quen thuộc. Người viết xin kết thúc ở đây bằng lời ao ước mượn từ Matthew Arnold như sau:

“We should conceive of poetry worthily, and more highly than it has been the custom to conceive of it. We should conceive of it as capable of higher uses, and called to higher destinies, than those which in general men have assigned to it hitherto. More and more mankind will discover that we have to turn to poetry to interpret life for us, to console us, to sustain us. Without poetry, our science will appear incomplete and most of what now passes with us for religion, and philosophy will be replaced by poetry.”

(Chúng ta cần phải quan niệm thi ca một cách xứng đáng hơn, cao cả hơn cái mà thói quen đã quan niệm từ trước tới giờ. Chúng ta phải quan niệm rằng thi ca có công dụng cao cả, có sứ mạng cao đẹp hơn là cái công dụng và sứ mạng mà con người đã giao phó cho nó từ xưa đến giờ. Dần dần loài người sẽ khám phá ra rằng chúng ta cần phải tìm đến thi ca để thi ca cắt nghĩa cuộc đời cho chúng ta, an ủi chúng ta, bảo trì chúng ta. Không có thi ca khoa học của chúng ta sẽ trở nên không đầy đủ và hầu hết những gì mà hiện nay ta cho là thuộc về tôn giáo, và triết học sẽ được thay thế bằng thi ca).

(Arnold, Matthew: The Study of Poetry, Part I, Great Works of Literature. 1.1.1992)

## TÍNH CHẤT LÃNG MẠN QUA THI CA...

Bích Phượng

...Đôi tay nâng lấy coi trầu,  
Trước mời quý khách, sau hầu đôi bên.  
Em là con gái Bắc Ninh  
Kể tán người tần,  
Gửi lên tỉnh Bắc cho gần yến oanh...  
(Em là con gái Bắc Ninh)

Hình ảnh duyên dáng của người con gái Bắc đeo yếm thắm lụa đào cổ viên, vận áo the năm thân, bao thắt lưng xanh, váy sồi rù hình lưỡi trai, chân đi dép cong, đầu chít khăn vuông mỏ quạ, đội nón ba tầm, chân bước thung thảng, nụ cười lúng liếng, ánh mắt đong đưa đưa tình... đã gắn liền với tôi từ thuở ấu thơ... Tuy tôi sinh trưởng trong Nam tại một nơi phồn hoa đô thị nhưng nửa dòng máu chảy trong người tôi mang đậm nét trữ tình lãng mạn của quê hương Quan Họ. Tôi là con gái Bắc Ninh. Quê Nội mà tôi chưa một lần đặt chân về thăm là một miền quê đẹp như thần thoại, nằm nép mình bên dòng sông Cầu thơ mộng, đã khơi bao nguồn cảm hứng cho các thi sĩ từ ngàn xưa đến nay. Đất Bắc Ninh xưa gọi là Đạo Bắc Giang, rồi đổi ra Trấn Kinh Bắc, một miền phong phú về mặt dân ca, cũng là một vùng nổi tiếng về phong quang cảnh tú, về điền địa phì nhiêu, về sắc đẹp duyên dáng và tinh tú của những nàng thiếu nữ, về sự thông minh hay chữ và thành đạt của các danh thần, văn sĩ. Theo lời ba tôi kể thì, dân ca Quan Họ Bắc Ninh là niềm tự hào, là vốn riêng của người dân Kinh Bắc, mà còn là niềm kiêu hãnh, là nét đẹp văn hóa rất riêng của người dân Việt Nam. Người ta yêu dân ca Quan Họ Bắc Ninh không chỉ yêu làn điệu trữ tình, ngọt ngào và những lý lẽ thể hiện được tâm tư, tình cảm rất đỗi thiết tha của tâm hồn, mà yêu cả những câu chữ, lời ca bộc lộ nội tâm rất mực đằm thắm, thủy chung, dào dạt nghĩa tình, văn chương tao nhã, đắm say hồn người... Tôi thường thắc mắc hỏi ba tôi tại sao người ta gọi là Quan Họ ? Ba tôi bảo theo như lời giải thích truyền từ đời này sang đời khác thì từ ‘quan họ’ xuất phát từ hai từ ‘quan viên’ và ‘phường họ’. Quan Họ là tiếng hát ‘giữa hai họ nhà quan kết bạn với nhau’. Gần đây, Tiến Sĩ Sử Học Trần Đình Luyện Giám Đốc Sở Văn Hóa Thông Tin Tỉnh Bắc Ninh giải thích: ‘Quan Họ tức là: Nói cái nổi mà ta yêu nhau, yêu nhau nhưng chẳng lấy được nhau...’. Có lẽ, theo ông, vì nếu ngày xưa, những liền anh, liền chị hát Quan Họ mà lấy nhau, thì không thể có được những câu hát da diết nhớ thương, tình tứ, sâu thẳm đến tận tim gan con người truyền lại cho hôm nay. Tôi còn nhớ khi tôi gặp chú thím tôi từ Bắc Ninh sang Pháp chơi, tôi đã được dịp nghe chú thím tôi hát những bài Quan Họ thật đa tình, đầy cảm xúc.

Ngồi tựa song đào  
Hỏi người tri kỷ ra vào vấn vương  
Gió lạnh đêm trường  
Nửa chẵn, nửa chiều, nửa giường, đợi ai.  
(Ngồi tựa song đào)

Theo thím tôi kể thì cứ mỗi độ Xuân về, người dân Kinh Bắc lại mở hội đón năm mới. Các liền anh, liền chị trên vùng đất Quan Họ lại tụ họp cùng nhau, trao cho nhau những lời ca, câu hát sâu nặng nghĩa tình. Nhưng đến hẹn lại lên, từ 13 đến 15 tháng Giêng hàng năm, từng đoàn khách thập phương lại đổ về đất Bắc Ninh để thưởng thức những làn điệu dân ca Quan Họ và cùng nhau đắm mình trong lời ca tiếng hát tràn đầy sắc xuân vùng quê Kinh Bắc. Trong những ngày trẩy hội này, những chàng trai cô gái say mê đồng cảm qua những bài hát trao duyên đó. Có những mối tình Quan Họ đã nảy sinh, một thứ tình yêu thật nên thơ nhưng không kém phần đắm đuối nồng nàn... Vì biết rằng, theo truyền thống của Quan Họ, các liền anh liền chị phải lòng nhau “yêu nhau nhưng không lấy được nhau”, cho nên họ đã gói ghém tình cảm yêu thương của mình gửi cho người bạn lòng qua từng lời hát nói lên sự nhớ nhung khắc khoải đợi chờ

Ai làm đến nỗi dở dang  
Ai làm đến nỗi nhớ thương thế này.  
Còn đương cuộc rượu sánh bày  
Nỡ nào Quan họ dứt dây sao đành...  
(Đương vui mà về)

Rồi đến khi hội tàn, già bạn từ ly trong tiệc nuôi, bịn rịn, vấn vương

Người về để nhớ cho nhau  
Người ơi để áo gói đầu lấy hơi  
Người về đằng ấy xa xôi  
Xin người nghỉ lại với tôi bên này...  
(Bỏ bạn sao đành)

Để chỉ còn lại trong ký ức một nỗi lưu luyến thiết tha về một hương vị cay nồng, ấm ngọt, hồng rực môi, má của miếng trầu cánh phượng, một ánh nhìn lúng liếng trao nhau của trai gái trong mối tình quê, về những đêm bông bênh trên thuyền say sưa câu hát giao duyên...

...Vì ai nhớ trộm, thương thâm  
Để cho con nhện giăng mừng vì ai  
Xưa câu: “Đá nát vàng phai”  
Nay duyên Quan họ một hai vẫn chờ...  
(Nghĩa bạn, tình quê)

Từ thuở ấu thơ, tôi đã yêu thích dân ca Quan Họ. Tôi vẫn thường rung động mỗi khi nghe ba tôi hát hay thổi sáo bài “Người ơi, người ở đừng về”. Tuổi đời chồng chất, tôi thấy càng thấm thía hơn những ngôn từ thi ca đặc sắc độc đáo dùng trong lời hát Quan Họ. Những ngôn từ này khi thì mộc mạc thắm đượm hồn quê khi thì bóng bẩy trau chuốt, nhưng từng chữ đều chứa đầy cảm xúc, nghĩa tình và giàu về hình tượng, thi ảnh... Tỉ dụ như bài “Nhện giăng mừng”. Chúng ta ai cũng biết con nhện thì chỉ biết giăng tơ. Hình ảnh “nhện giăng tơ” thường dùng trong thi ca để ám chỉ sự vương vấn trong tình yêu. Còn “nhện giăng mừng” thì ý lại phong phú hơn. “Mừng” ở đây nói lên sự giăng mắc mịt mừng. “Nhện giăng mừng” khiến ta nghĩ tới sự quạnh vắng, cô đơn, thương nhớ...giăng mắc bịt bùng vây tỏa khi phải chia xa cùng người. Mong manh, nhưng suốt cả năm canh cũng chẳng vượt nổi sự vây bủa, bịt bùng ấy...

Người về để nhện giăng mừng  
Năm canh luống những lạnh lùng cả năm

Tôi cũng rất hâm mộ cách đối đáp đặc sắc về nghệ thuật sáng tạo giữa “trai tài” và “thục nữ” trong dân ca Quan Họ. Cách đối từ hình ảnh, hình tượng và từ ngữ này cho ta thấy hết nét tinh hoa độc đáo của Quan Họ

Bài 1:

Lóng lánh: Lóng lánh là lóng lánh oi!  
Mắt người lóng lánh như sao trên trời  
Tôi nhớ người lấm lấm người oi!...

Bài 2:

Lúng liếng Lúng liếng là lúng liếng oi!  
Miệng người lúng liếng có đôi đồng tiền  
Tôi với người muốn kết nhân duyên!...

Tôi vẫn hằng nguyện mong có được một lần về thăm quê nội Bắc Ninh của tôi không phải chỉ để nghe hát dân ca, mà còn có thể học được cách tằm trầu cánh phượng, đội khăn mỏ quạ, nhất là thăm được cái Tình của người Quan Họ.

Người về em vẫn trông theo  
Trông nước, nước chảy, trông bèo, bèo trôi  
Người về em dặn tái hồi  
Yêu em xin chớ đứng ngồi với ai.

Quê Ngoại tôi thì ruộng thẳng phì nhiêu, bốn bề sông nước bao bọc. Bền Tre là vựa lúa lớn của đồng bằng sông Cửu Long, nằm giữa vùng sông nước mênh mông, nơi hội tụ của 3 cù lao lớn. Bền Tre như một cái quạt xòe ra với những nan quạt là những con sông lớn, nhỏ. Một quê hương sông nước hữu tình mà hết thế hệ này đến thế hệ khác gắn bó với những chiếc đò ngang, đò dọc, những chiếc thuyền thúng suốt mùa mưa úng, những chiếc thuyền buôn trên nhiều ngã sông xuôi ngược...

Dòng sông cũ những chuyến đò xuôi ngược  
Sông chở chuyên tình tự của quê nhà  
Có những chiều anh nhìn em đắm đuối  
Thuở đại khờ ngày đó đã thật xa  
(Chim sáo không về - Khiếu Long)

Tôi vẫn thường ước ao được đi trên con sông Hàm Luông rộng mênh mông, để được nhìn ngắm cái vẻ đẹp lấp lánh của những rặng dừa xanh biếc dọc hai bên bờ

Tới đây ngủ dưới bóng dừa,  
Cá cơm ai nấu rất vừa miệng ăn.  
Dường như từ đã nghìn năm,  
Đất đai đó mọc bạt ngàn dừa xanh.  
(Bền Tre - Lý Thừa Nghiệp)

Bền Tre là vùng đất “địa linh nhân kiệt” đã sản sinh những anh tài trong văn học như Nguyễn Đình Chiểu, Sương Nguyệt Ánh, Võ Trường Toản, Trương Vĩnh Ký, Phan Thanh Giản... Nhà văn hóa Trương Vĩnh Ký người làm báo đầu tiên ở Việt Nam, người thông thạo 27 thứ tiếng nước ngoài (12 ngôn ngữ phương Tây, 15 ngôn ngữ phương Đông). Trong khoảng thời gian 40 năm (1858-1898), Trương Vĩnh Ký đã để lại cho đời 118 tác phẩm, bao gồm sách nghiên cứu, sưu tầm, dịch, biên âm trong đó có hàng chục quyển sách viết bằng Pháp văn. Trong bài “Học giả Trương Vĩnh Ký” Nhà Văn Việt Hải đã nhận định rằng: “Kiến thức uyên bác, năng khiếu thiên bẩm đã tạo cho Petrus Ký là một hình ảnh nổi bật trong văn học sử Việt Nam. Sự nghiệp văn học của ông hình thành trong bối cảnh chuyển đổi từ nền nho học sang tân học với chữ Quốc Ngữ theo hệ thống mẫu tự La Tinh. Và ông đã thật

sự đóng góp nhiều áng văn tiên phong cho sự phát triển chữ Quốc Ngữ của chúng ta dùng ngày hôm nay...”

Sương Nguyệt Anh, người con gái tài ba của Nhà Thơ Nguyễn Đình Chiểu, là nữ chủ bút ưu tú đầu tiên của Việt Nam. Từ nhỏ, ông ngoại tôi thường kể cho tôi nghe những giai thoại về bà. Tôi rất hâm mộ bà vì bà là người thông minh tài sắc vẹn toàn, sống có đức hạnh thủy chung. Tôi vẫn còn nhớ bài văn tế chồng đầy nghĩa tình tha thiết của bà

Nhớ quân tử xưa  
Tướng mạo thung dung  
Tánh tình hậu phát  
Thông thả con đường thanh đại  
Bạn tần giao mấy gã đặng tâm  
Tánh nết suy nghiệp huỳnh kỳ  
Tài quán chúng nhiều người la bạc cả  
Thương thay  
Trương hiệp quản rồi rã a giao tiếp phụ tử chia lia  
Chẳng hay đâu thảo khấu lãng loạn  
Phải dự chi mà thấu lý quyền minh  
Sao đến nỗi cốt bì tan nát  
Ôi, xưa còn nấu thuốc linh đơn, này đã thác theo chòm mây bạc  
Giọt nước mắt chảy dài trên má, ruột gan rối bời bời  
Ai chẳng than tức tưởi, phận sử quân lược sa tiền  
Thiếp nhỏ giọt châu sa thảm thiết!

Năm 1906, hưởng ứng lời kêu gọi của Cụ Phan Bội Châu trong Phong Trào Đông Du, bà đã bán cả ruộng vườn để giúp học sinh xuất dương du học. Tiếng tăm của bà ngày càng được nhiều người biết đến. Năm 1917, bà được mời làm chủ bút tờ “Nữ giới chung” tiếng chuông của nữ giới. Đây là tờ báo đầu tiên dành riêng cho phụ nữ Việt Nam, do một nữ sĩ tài danh điều hành.

Đem chuông lên đánh Sài Gòn  
Để cho nữ giới biết con Cụ Đồ  
(ca dao Bến Tre)

Bến Tre còn có kho tàng của văn học dân gian với những chuyện cổ, thơ ca, câu đố... Nơi đây, với 75 điệu lý khác nhau, là một trong những cái nôi của dân ca Nam Bộ, là vùng đất tiềm năng cho những điệu hò trên sông nước và hò trên cạn ra đời...như lý con sáo, lý mạ non, lý cái mơn, hò chèo thuyền, hò lờ, hò cấy lúa, hò đối đáp...Lý có nhiều khả năng diễn đạt, đề cập, phản ánh mọi khía cạnh của đời sống thiên nhiên và xã hội, sự vật, sự việc chung quanh, vì vậy đề tài của lý vô cùng phong phú. Lý là tiếng nói của tình yêu lứa đôi hồn nhiên và mộc mạc, là ước mơ trong sáng, là khúc hát ngọt ngào thủy chung

Người về đây dừng chân trên bến  
Sóng nước lăn tăn, tâm tình nhắn gửi người yêu  
Có sang sông thì chim sáo hát câu hẹn hò  
Chiều tà dương mãi còn chờ ai  
Tia nắng soi rung rung  
Đôi bờ bỗng nghe chim nhạn tìm nhau  
(Lý Cái Mơn- Lê Giang)

Xứ Bến hiền hòa đã để lại trong lòng tao nhân mặc khách một nỗi vấn vương ngậm ngùi khi chia xa. Nhà thơ Phan Ni Tấn trong bài ca “Phải lòng con gái Bến Tre” cũng đã mang một tâm tư lưu luyến

Đợi ánh trăng lên đầu cầu soi bước em về  
Lòng qua như con nước  
lên đèn vào trong mong nhớ  
Vịnh Bến Tre tim bồi hồi lòng muốn theo người ơi  
(Phải lòng con gái Bến Tre- Phan Ni Tấn)

Tuy chưa một lần đặt chân về nơi xứ dừa xanh thân yêu nhưng quê ngoại trong tôi đẹp như điệu lý xàng xê, ngọt ngào như lời ru của mẹ khi chiều buông, thiết tha nghĩa tình như sóng nước nghìn thu xuôi về biển

Ai đem điệu lý về xuôi  
Câu hò ở lại ngậm ngùi vấn vương  
Ru hời mái chèo nhịp thương  
Qua sông chim sáo đoạn trường thở than  
Ba tri sầu não tơ đàn  
Dạ lang hoài cổ bẽ bàng phận duyên  
Hỏi người tình phụ cánh quyên  
Khúc ca lẻ bạn ghen niềm xót xa...  
(Lỡ một cung đàn- Tiểu Vũ Vi)

Tôi từ nhỏ theo học chương trình Pháp. Là nữ sinh Couvent des Oiseaux, tôi hấp thụ nền văn hóa Tây phương rất sớm. Tôi thích cái nét lãng mạn phóng khoáng tự nhiên trong thi ca Pháp đã làm nổi bật thế giới nội tâm và tình cảm con người, khát khao về một tự do, tự do trong suy tưởng, tự do trong nghệ thuật, tự do trong cấu trúc làm thơ. Tôi say mê dòng thơ của Jacques Prévert, của Paul Verlaine, của Guillaume Apollinaire hay Alphonse de Lamartine... Tôi yêu thích thơ Prévert vì thơ ông giản dị, vì ông đem tiếng nói giản dị thường ngày vào trong thơ. Thơ của ông chứa chan tình cảm yêu thương. Bài thơ của ông mà tôi thích nhất có lẽ là bài “Les feuilles mortes” (Vàng lá mùa thu)

C'est une chanson qui nous ressemble.  
Toi, tu m'aimais et je t'aimais  
Et nous vivions tous deux ensemble,  
Toi qui m'aimais, moi qui t'aimais.  
Mais la vie sépare ceux qui s'aiment,  
Tout doucement, sans faire de bruit  
Et la mer efface sur le sable  
Les pas des amants désunis.

Bản dịch của Mùi Quý Bồng:

Một bài tình ca  
Kể chuyện đôi ta.  
Nàng: Em yêu Anh!  
Chàng: Anh yêu Em!  
Và đôi ta sống  
Cuộc tình đôi lứa  
Nhẹ nhàng như mơ

Hạnh phúc vô bờ.  
Mà, đời không lặng yên  
Gây cuộc chia phôi  
Tuy nhẹ nhàng thôi  
Chẳng gọn chút tăm hơi.  
Và cơn sóng vô tình  
Xóa vết chân ai  
Bờ cát thôi không còn  
In dấu tình xưa!  
Người phu quét đường  
Gom lá vàng, cũng là gom  
Bao nhiêu kỷ niệm,  
Bao hồi hận, và nuôi tiếc.

Thơ của Appolinaire thì đa dạng có lẽ vì ông đi đây đó nhiều, học rộng, có nhiều mối tình sâu đậm, kinh nghiệm sống của ông phong phú, tác phẩm của ông viết nhiều. Bài thơ của ông gây cho tôi nhiều ấn tượng nhất là bài "L'adieu" và bài "Le pont de Mirabeau"

L'Adieu  
J'ai cueilli ce brin de bruyère  
L'automne est morte souviens-t'en  
Nous ne nous verrons plus sur Terre  
Odeur du temps brin de bruyère  
Et souviens-toi que je t'attends

Ta đã hái nhành lá cây thạch thảo  
Em nhớ cho mùa thu đã chết rồi  
Chúng ta sẽ không tao phùng được nữa  
Mộng trùng lai không có ở trên đời  
Hương thời gian mùi thạch thảo bốc hơi  
Và nhớ nhé ta đợi chờ em đó...

(Lời vĩnh biệt- Bùi Giáng)

Hiện tại tôi sinh sống và định cư tại Pháp. Mỗi lần tôi về lại Paris kinh kỳ ánh sáng, thả bộ theo dòng sông Seine, đứng trên cầu Mirabeau, nhìn dòng nước lặng lẽ trôi, tôi lại nhớ những dòng thơ trữ tình của ông

L'amour s'en va comme cette eau courante  
L'amour s'en va  
Comme la vie est lente  
Et comme l'Espérance est violente  
Vienne la nuit sonne l'heure  
Les jours s'en vont  
je demeure  
Passent les jours et passent les semaines  
Ni temps passé  
Ni les amours reviennent  
Sous le pont Mirabeau coule la Seine  
Vienne la nuit sonne l'heure  
Les jours s'en vont

je demeure

(Le Pont de Mirabeau- Guillaume Apollinaire)

Tình đã mất như nước sông muôn thuở  
Lững lờ trôi  
tình còn mãi lê thê  
Hy vọng mong manh, đau đớn, ê chề  
Rồi đêm đến,  
ngày qua,  
anh vẫn đó  
Theo năm tháng dòng đời trôi vàng võ  
Như thời gian  
tình yêu chẳng quay về  
Dưới nhịp cầu nước vẫn cuốn trôi đi  
Rồi đêm đến  
ngày qua  
anh vẫn đó

(Nước chảy qua cầu- Nguyễn Tâm Hàn)

Đường Thi và thơ Đường luật đến với tôi rất muộn màng. Thế giới Đường thi là một thế giới huyền thoại thần tiên thoát tục, phong phú, đa dạng, bát ngát, vô biên, vô tận, là một bức tranh thủy mặc hài hòa, đượm hồn thơ ý nhạc...Tôi yêu thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ, Vương Duy, Lương Ý Nương...Bài thơ này của Lý Bạch tôi gọi cho tôi nỗi nhớ quê hương sâu sắc khi mình đang mang thân viễn xứ lưu lạc nơi đất người.

Tĩnh dạ tứ  
Sàng tiền minh nguyệt quang,  
Nghị thị địa thượng sương.  
Cử đầu vọng minh nguyệt,  
Đê đầu tư cố hương.

Dịch Nghĩa

Đầu giường, ánh trăng rọi sáng,  
Tường là sương trên mặt đất  
Ngẩng đầu ngắm trăng sáng  
Cúi đầu nhớ quê cũ

Bản dịch của Trần Trọng San

Trước giường ngắm ánh trăng sa,  
Trăng phơi mặt đất, ngỡ là ánh sương  
Ngẩng đầu trông ngắm vầng trăng,  
Cúi đầu lại nhớ xóm làng ngày xưa.

Tôi yêu thơ văn từ thuở ấu thơ. Trong văn chương tôi hình như có sự kết hợp hài hòa giữa nét lãng mạn đa tình của con gái Quan Họ Bắc Ninh và vẻ đẹp ngọt ngào thủy chung của người dân Bến Tre, giữa một lối thơ tự do phóng khoáng viết theo từ những cảm xúc chân thành như thơ Tây Phương không gò bó theo lề luật cấu trúc và một tâm hồn thơ sâu sắc “tức cảnh sinh tình” của Đường thi. Với tôi, làm thơ viết văn, trước tiên là để muốn đóng góp một phần nhỏ nhoi của mình trong việc “gìn vàng giữ ngọc” nền văn học và tiếng Việt của mình nơi quê người, và cũng để cho tôi cùng chia sẻ sự đam mê nghệ thuật của mình với những người đồng cảm.

“Thơ là những rung động tuyệt vời của cảm xúc, phát xuất từ niềm hạnh phúc, nỗi đốn đau, sự muộn phiền và xen lẫn đâu đó thấp thoáng những ước mơ, nỗi mong chờ và cả

niềm hy vọng...Những người làm thơ là những người muốn chuyên chở những cảm xúc đó bằng sự kết hợp giữa tâm hồn và vần điệu...Để rồi những bài thơ được hình thành và từ đó gửi đi mong chia sẻ với những người đồng cảm..." (Khiếu Long)

Bích Phương

## Tình trong dòng thơ tiền chiến

Bích Phương

*Làm thi sĩ nghĩa là ru với gió,  
Mơ theo trăng và vờ vẩn cùng mây,  
Để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây,  
Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến.*

(Cảm Xúc- Xuân Diệu)

Tiền chiến là thời kỳ đánh dấu bằng những sự thay đổi lớn trong văn học Việt Nam. Từ bao đời, thi ca Việt Nam chịu ảnh hưởng của nền văn học Nho Giáo và sự ràng buộc khắt khe của chế độ phong kiến. Nói đến thơ Việt, người ta chỉ nghĩ ngay đến thể thơ Đường Luật thất ngôn bát cú mà từ giới thượng lưu quan quyền, Vua Chúa đến các bậc Nho Sĩ đều chuyên dùng. Học sinh đến trường phải thuộc Tứ Thư Ngũ Kinh, Tam Tụng Kinh, được giáo dục Thi, Thư, Lễ, Nhạc và chịu gò bó tư tưởng, đạo đức, tinh thần, cảm xúc của mình trong một khuôn khổ nhất định theo triết lý Khổng- Mạnh: Tam Cương, Ngũ Thường, Tam Tông, Tứ Đức...

Đầu thế kỷ 20, sự có mặt của người Pháp ở Việt Nam cùng với chủ nghĩa tư bản và văn hóa phương Tây đã gây ra những xáo trộn lớn trong xã hội. Giới thượng lưu Việt Nam hình thành một giai cấp mới, gọi là tư sản với lối sinh hoạt thành thị mới theo văn minh Phương Tây. Giới trí thức trẻ được đi học trường Tây, được học chữ Pháp, được tiếp thu nền văn hóa lãng mạn Pháp và nhanh chóng nhận thấy sự gò bó khắt khe của văn luật, niêm luật và đôi ngẫu trong thơ Đường Luật đã hạn chế tiếng nói tự nhiên của con tim: "*Cái nghề thơ Đường luật khó đến như thế, khó cho đến nỗi kẻ muốn làm thơ, mỗi khi có nhiều tư tưởng mới lạ muốn phát ra lời, song vì khó tìm chữ đối, khó chọn vần gieo, nên ý tưởng dầu hay cũng đành bỏ bớt. Cái phạm vi của thơ Đường luật thật là hẹp hòi, cái qui củ của thơ Đường luật thật là tẩn mẩn. Ta nếu còn ưa chuộng mà theo lối thơ này mãi, thì nghề thơ văn của ta chắc không có bao giờ mong phát đạt được vậy...*"

(Trịnh Đình Rư- Phụ Nữ Tân Văn 1929).

Thanh niên thời bấy giờ, không còn như giới hủ Nho, chỉ biết hể mở miệng là xô Nho hay đặt bút xuống là kê Nho, mà bắt đầu yêu chuộng những vần điệu nhẹ nhàng phát xuất từ cảm xúc sâu xa của tâm hồn trước cái đẹp của vạn vật, cuộc đời, sự sống, con người và tình yêu. Và thơ Mới lúc ấy đã ra đời, chấm dứt một thuở vàng son thịnh trị của thơ Đường.

*Ta gặp Nàng trên một vì sao nhỏ  
Ta hôn Nàng trong bóng núi mây cao  
Ta ôm Nàng trong những nguồn trăng đỏ  
Ta ghi Nàng trong những suối trắng sao*

(Ngủ trong sao- Chế Lan Viên)

Từ khi tôi mới bước vào lứa tuổi ô mai, biết mơ mộng, biết làm thơ thì dòng thơ tiền chiến đã luôn lôi cuốn và thu hút tôi cho đến bây giờ. Với tôi, thơ tiền chiến là thơ của một thời thanh bình, lãng mạn, thơ của tình yêu, của mộng mơ, mà từng lời thơ đều gọt giũa trau chuốt đẹp đẽ. Có lẽ vì ảnh hưởng bởi dòng thơ lãng mạn của Rimbaud, Beaudelaire, Verlaine, cho nên các nhà thơ tiêu biểu cho thời kỳ này như Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Hồ Dzếnh... đã làm nên cuộc cách mạng lớn trong thi ca Việt Nam.

*Tay anh em hãy tựa đầu  
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi*  
(Ngậm ngùi- Huy Cận)

Tình yêu muôn đời là nguồn cảm hứng không bến bờ của mỗi người trong chúng ta. Tôi còn nhớ, ngày ấy, cũng như bao nữ sinh đồng trang lứa, tôi thường tìm tòi sao chép vào những cuốn vở có ép hoa ép bướm, nắn nót bằng mực tím những dòng thơ tình tiền chiến.

*Em đi rồi then khóa cả chiêm bao  
Gây vóc mộng gói tròn manh áo nhớ*  
(Đình Hùng)

Tôi thấy, trong phong trào thơ Mới, tư tưởng tự do lãng mạn thiệt phóng khoáng và huyền diệu vô cùng. Thế giới nội tâm được diễn đạt qua những vần điệu chuyên chở đầy cảm xúc, nói lên đời sống tình cảm, yêu và hận, cô đơn và u sầu, xa cách và nổi loạn...

*Để chặn gỏi im nằm chỗ cũ  
Hãy lịm người trong thú đau thương  
Giờ đây ta đốt nén hương  
Trên tay ta buộc giải tang cho tình*  
(Thú đau thương- Lưu Trọng Lư)

Chữ tình trong cõi thơ đã không còn biên giới. Có tình yêu nồng nàn mãnh liệt của tuổi đôi mươi, có tình mộc mạc thơ ngây của tuổi học trò, có tình nả nề thâm thiết của ly biệt, có thứ tình đầm thắm dịu dàng của vạn vật thiên nhiên...

*Hôm nay có một nửa trăng thoi  
Một nửa trăng ai cắn vỡ rồi  
Ta nhớ mình xa thương đứt ruột  
Gió làm nên tội buổi chia phôi*  
(Hàn Mạc Tử)

Trong số các nhà thơ vang bóng thời bấy giờ, tôi yêu thích nhất là thơ Xuân Diệu rồi đến Nguyễn Bính và Hoàng Cầm. Người ta ví Xuân Diệu như "vua" của thơ tình hiện đại, quả không sai. Trong dòng thơ của ông, tôi có thể cảm nhận được ngọn lửa rạo rực, thiết tha, nồng cháy, niềm say mê yêu đời, yêu cuộc sống, khao khát yêu thương và giao cảm với đời.

Tình yêu được ông dùng bút phát họa nên một bức tranh muôn màu, có sắc, có hương và âm quyện vào nhau một cách hài hòa mỹ miều. Bài thơ mà tôi thấy rung động nhất là bài "Nguyệt Cầm":

*Trăng nhập vào đây cung nguyệt lạnh  
Trăng thương, trăng nhớ, hơi trăng ngân  
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm  
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân*

Đối với tôi bài thơ này diễn tả mức độ cao nhất của cảm xúc con người. Xuân Diệu trong một đêm thu trăng sáng lạnh lùng, đã nghe vang vọng tiếng đàn sầu não. Cái hay sâu sắc trong bài thơ này, là nhà thơ đã nhìn thấy sự tương giao hài hòa giữa thiên nhiên, màu sắc, âm thanh và cảm xúc... Trăng và đàn hình như bỗng có linh hồn quyện chặt vào nhau. Trăng phổ nhạc cho đàn, để tiếng đàn ai oán xoáy vào trong cõi lòng lạnh giá làm bùng nở từng đóa hoa thơ

*Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời  
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi  
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận:  
Trăng nhớ Tâm Dương, nhạc nhớ người...  
Bốn bề ánh nhạc, biển pha lê  
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề  
Sương bạc làm tỉnh, khuya nín thở  
Nghe sầu âm nhạc đến sao Khuê.*

Trong thơ Xuân Diệu, chữ tình khoác một chiếc áo muôn màu muôn vẻ. Vườn hoa thơ của Xuân Diệu trồng một cây tình yêu luôn mãi xinh tươi và ngát hương. Cây tình yêu của ông được vun trồng, chăm bón bằng cái tình nảy sinh từ yêu thiên nhiên vạn vật,

*Chiều mộng hòa thơ trên nhánh duyên.*

*Cây me riu rít cặp chim chuyền*

*Đỏ trời xanh ngọc qua muôn lá,*

*Thu đến nơi nơi động tiếng huyền.*

(Thơ Duyên- Xuân Diệu)

Từ tâm hồn thiết tha yêu cuộc sống

*Ta muốn ôm*

*Cả sự sống mới bắt đầu mơn mớn*

*Ta muốn riết mây đưa và gió lượn*

*Ta muốn say cánh bướm của tình yêu*

*Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều*

*Và non nước và cây và cỏ rạng*

*Chochéch choáng mùi thơm cho đã đầy ánh sáng*

*Cho no nê thanh sắc của thời tươi*

*Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi!*

(Vội vàng- Xuân Diệu)

Từ cuộc đời thật, giữa tình yêu đôi lứa cuồng nhiệt khát khao,

*Hãy sát đôi đầu! Hãy kê đôi ngực!*

*Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài!*

*Những cánh tay! Hãy quấn riết đôi vai!*

*Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt!*

(Xa Cách - Xuân Diệu)

Giữa tình yêu vợ chồng thương yêu triu mến

*Nằm đêm anh cứ thương em*

*Roi nghiêng nước mắt một đêm gối nằm*

*Thế này cho hết trăm năm*

*Đến muôn năm vẫn âm thầm thương em.*

(Nằm đêm anh cứ thương em-Xuân Diệu)

Từ những nỗi đau âm ỉ

*Rẽ ăn huyết lệ từ sâu*

*Màu hoa mới được bền lâu thế này.*

*Lệ thường yêu dấu xưa nay.*

*Gai đâm rách toạc tim này - chó than!*

(Trăm ba mươi đóa- Xuân Diệu)

Yêu người đến tương tư, vì khi chỉ có yêu thực sự con người mới cảm nhận hết thế nào là nỗi nhớ tương tư khắc khoải đến một người...

*Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh.*

*Anh nhớ em, anh nhớ lắm! Em ơi!*

(Tương tư chiều- Xuân Diệu)

Nhà thơ Nguyễn Bính cũng tương tư khi yêu. Nhưng nỗi tương tư của Nguyễn Bính thì dịu dàng như hương đồng gió nội, mộc mạc đơn sơ như mối tình chân quê, ngọt ngào như câu ca dao ru hời của Mẹ...

*Ví chẳng nhớ có như tơ nhĩ*

*Em thử quay xem được mấy vòng*

*Ví chẳng nhớ có như vừng nhĩ*

*Em thử vào xem được mấy thùng!*  
(Nhớ- Nguyễn Bính)

Tôi yêu thích thơ Nguyễn Bính vì thơ ông mang nét đẹp duyên dáng, đáng yêu của thôn làng Việt Nam. Thơ Nguyễn Bính gắn bó và thu hút những tinh hoa vàng ngọc của ca dao... Những dòng lục bát của ông như chiếc thuyền bồng bồng trên sóng nước, chở nặng chữ tình, và thuần cảm xúc. Thơ ông biểu hiện cảnh quê, thăm được tình quê, hồn quê nước Việt với một sắc thái lãng mạn. Qua thơ của Nguyễn Bính, tôi tìm lại những hình ảnh bình dị quen thuộc của làng quê Việt Nam với những hàng cau, giàn trầu, rặng mùng toi, thôn Đoài, thôn Đông, mái nhà tranh, giàn trúc thưa...

*Nhà em có một giàn giầu,  
Nhà anh có một hàng cau liên phòng.  
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,  
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào ?*  
(Trương tư- Nguyễn Bính)

Những mối tình chân quê nam nữ hồn nhiên, chất phác, yêu đời.

*Van em em hãy giữ nguyên quê mùa  
Như hôm em đi lễ chùa  
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!  
Hoa chanh nở giữa vườn chanh  
Thầy u mình với chúng mình chân quê  
Hôm qua em đi tỉnh về  
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều*  
(Chân Quê- Nguyễn Bính)

Những chuyện tình buồn trắc trở, chua xót, phải “lỡ bước sang ngang”.

*Ai đem rắc bướm lên hoa  
Rắc bèo xuống giếng, rắc ta vào nàng ?  
Ai đem nhuộm lá cho vàng ?  
Nhuộm đời cho bạc, cho nàng phụ ta ?*  
(Rắc bướm lên hoa- Nguyễn Bính)

Tôi còn nhớ khi tôi vừa vào độ tuổi trăng rằm, bài thơ đầu tiên của Nguyễn Bính mà tôi biết đến là bài thơ “Bảy Chữ”... Bài thơ này tôi đã nắn nót chép vào trang lưu bút thời trung học. Nét độc đáo ở đây gói trọn trong bảy chữ “*Vạn lý tương tư, vũ trụ tình*”... Còn nỗi nhớ thương nào dài hơn ngoài vạn dặm và còn cái tình nào bao la bát ngát sâu rộng hơn vũ trụ... Thật tuyệt! Có lẽ vì thế mà các nam sinh trong trường tôi trong những năm cuối trung học thường hay viết tặng người yêu, bảy chữ này như một hiến chương tình yêu, một lời tỏ tình đậm đà nhất... để khi người yêu

*Đọc xong bảy chữ thì thương lắm  
Vạn lý tương tư, vũ trụ tình*  
(Bảy Chữ- Nguyễn Bính)

Thơ của Nhà Thơ Hoàng Cầm đến với tôi muộn màng nhưng những vần thơ của ông đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng sâu sắc... Có lẽ vì qua thơ ông tôi tìm lại được hình dáng mỹ miều lãng mạn của quê Nột trong tôi. Thơ ông mượt mà, quyến rũ, mang nhiều thi tính, giàu nhạc điệu, rất tình tứ... có lẽ vì ông biết kết đọng đến tinh túy nền văn hóa Quan Họ của người dân Kinh Bắc, ngay cả nghệ thuật ông dùng bút để phát họa cái đẹp lãng mạn đa tình của người con gái Bắc Ninh cũng thật tài...

*Chân em dài đi không biết mỏi  
Má hồng em lại nở  
đồng mùa nước lụt mênh mông  
Lưng thon thon cảm sào em đợi*

*Đào giếng sâu rồi  
đừng lấp vôi đầu xanh  
Lúng liếng ơi chớ động mảnh thưa  
Chìa vôi quệt gió hững hờ  
Bờ ao sáo tắm bao giờ hờ em.*

(Theo đuổi- Hoàng Cầm)

Trong thơ ông đậm nỗi khát khao yêu đời ... Ngọn lửa tình trong ông lúc nào cũng rực cháy nóng bỏng nung đúc thành những dòng thơ da diết. Nhà Thơ Hoàng Cầm biết yêu khi mới lên tám, suốt cả mấy mươi năm quá trình sáng tác của ông, có nhiều bóng hồng đã là nguồn cảm xúc thiết tha của ông... Tôi yêu thích bài thơ "Lá Diêu Bông" của ông, vì bài thơ này nói lên mối tình si đầu tiên của ông dành cho một người con gái lớn hơn ông 7 tuổi. Một mối tình trong sáng, nhẹ nhàng, cho dù kết cuộc mang một nỗi buồn man mác thương đau...

*Váy Đình Bảng buông chùng cửa vồng  
Chị thân thơ đi tìm  
Đồng chiều  
Cuống rạ  
Chị báo  
Đưa nào tìm được Lá Diêu bông  
Từ nay ta gọi là chồng...*

...  
*...Từ thuở ấy  
Em cầm chiếc Lá  
đi đầu non cuối bể  
Gió quê vi vút gọi  
Diêu bông hời...  
...ơi Diêu bông...!*

Trong thơ Hoàng Cầm có nhiều khi tôi cảm nhận nét si mê hưng phấn trong ái tình của ông. Ông lòng nhục cảm trong những vần thơ đầy hương sắc và thi vị, đẹp trau chuốt đến quặn rũ lạ thường...

*Ngũ sắc chen nhau cầu lễ hội  
Nuột nà cởi bỏ áo hoa khôi  
Em không buộc thắt lưng thon nữa  
Thả búp tròn căng nuột ấy...ơi !...  
...Hương ngát em lòng kín cõi anh  
Yếm đào trút lại phía vô linh  
Đung đưa gác lửng nghênh xuân ấy  
Đôi núm hồng em nở hết mình*  
(Hội yếm bay- Hoàng Cầm)

Dòng giống Tiên Rồng, bốn ngàn năm văn hiến là một giống nòi tình cho nên mỗi người dân Việt thường yêu chuộng những dòng thơ nghiêng về cảm xúc và nặng chữ tình. Cũng có lẽ vì thế mà dòng tình tiên chiến đã nở những đóa hoa thơ ngát hương rực rỡ muôn màu muôn sắc mà qua bao nhiêu thập niên hương sắc vẫn không phai tàn trong văn học nghệ thuật Việt Nam.

*Em ơi lửa tắt bình khô rượu  
Đời vắng em rồi say với ai*  
(Vũ Hoàng Chương)

Bích Phượng